TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 828/2023/HS-PT
Ngày 13 tháng 11 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Hải Hiệp;

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Thơm;

Ông Nguyễn Phan Nam.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị L, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 834/2023/TLPT-HS ngày 08 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Lưu Thị Ngọc H và bị cáo Nguyễn Thu H1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2023/HS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

** Bị cáo có kháng cáo*:

1. **Lưu Thị Ngọc H**, sinh năm 1985 tại Nghệ An; Tên gọi khác: Không; HKTT và chỗ ở: P chung cư H, phường N, quận L, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lưu Ngọc H2, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1960; Chồng là Trần Tài B, sinh năm 1985 (đã ly hôn) và có 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không; D chỉ bản số 000000253 lập ngày 30/6/2022 tại Công an quận H. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/7/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 01 – Công an thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thu H1**, sinh năm 1990 tại Hà Nội; Tên gọi khác: Không; HKTT và chỗ ở: Số D, ngõ H T, phường V, quận Đ, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Ngô Thị T1, sinh năm 1966; Chồng là Trần Đức M, sinh năm 1992 và có 01 con (sinh ngày 30/7/2020); Tiền án, tiền sự: Không; D chỉ bản số 000000419 lập ngày 18/11/2022 tại Văn phòng cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H. Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại không kháng cáo*: Công ty TNHH một thành viên V1 (nay là Công ty cổ phần V1); địa chỉ: Số G, đường B, khu đô thị V, phường V, quận L, Hà Nội; do bà Phí Thị Lan A – Trưởng phòng Thanh tra và Kiểm soát chất lượng làm đại diện theo ủy quyền. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lưu Thị Ngọc H*: Luật sư Hoàng Ngọc Thanh B1 thuộc Văn phòng L5, Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thu H1*: Luật sư Nguyễn Hoàng H3 thuộc Văn phòng L6 và C, Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận H, thành phố Hà Nội nhận được tin báo của Công ty TNHH một thành viên V1 nay là Công ty cổ phần V1 (sau đây viết tắt là Công ty V1), địa chỉ trụ sở: Số G đường B, khu đô thị V, phường L, quận H, thành phố Hà Nội tố giác Lưu Thị Ngọc H và Nguyễn Thu H1 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc lập khống danh sách chi thưởng cho người giới thiệu nhân sự vào làm việc tại Công ty V1 để lấy tiền tiêu xài.

Kết quả điều tra xác định: Lưu Thị Ngọc H (sau đây viết tắt là Ngọc H) và Nguyễn Thu H1 (sau đây viết tắt là Thu H1) là nhân viên nhân sự của Công ty V1 trong đó, Thu H1 là chuyên viên tuyển dụng nhân sự người nước ngoài, Ngọc H là chuyên viên tuyển dụng nhân sự người Việt Nam đồng thời được giao nhiệm vụ lập danh sách đề nghị chi thưởng theo chính sách chi thưởng cho nhân viên Công ty V1 đã giới thiệu được nhân sự vào làm việc tại Công ty với số tiền thưởng từ 3.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng tùy vào từng vị trí ứng viên trúng tuyển. Quy trình lập danh sách chi trả thưởng như sau: Trên cơ sở thực tế, Ngọc H lập danh sách chi thưởng trong đó có các thông tin của người giới thiệu, người được giới thiệu, vị trí công việc được tuyển dụng, số tiền được trả thưởng rồi gửi email cho giám đốc nhân sự duyệt và chuyển tiếp cho Tổng giám đốc phê duyệt. Sau khi danh sách được phê duyệt, Ngọc H chuyển tiếp cho bộ phận kế toán để tiến hành chi trả tiền thưởng. Khoảng giữa năm 2019, Ngọc H phát hiện sự lỏng lẻo trong quá trình phê duyệt danh sách trả thưởng nên đã nảy sinh ý định đưa thêm vào danh sách chi thưởng những người là nhân viên Công ty V1 nhưng không thuộc diện chi thưởng để chiếm đoạt tiền thưởng của Công ty. Lưu Thị Ngọc H có trao đổi với Nguyễn Thu H1 và đề nghị cung cấp thông tin của những người thân, quen của Thu H1 đang là nhân viên của Công ty V1 để Ngọc H đưa vào danh sách chi trả thưởng cho người giới thiệu được nhân sự vào làm việc tại Công ty Đ trình duyệt tới ban lãnh đạo của Công ty. Sau khi danh sách được phê duyệt, số tiền chi thưởng được chuyển về tài khoản các cá nhân theo danh sách chi thưởng khống mà Ngọc H lập thì Ngọc H, Thu H1 liên hệ với những người trong danh sách chi thưởng khống để đưa ra thông tin gian dối là số tiền trả vào tài khoản thừa so với lương là do Phòng nhân sự làm nhầm lương và yêu cầu họ chuyển lại về tài khoản số 19033452255010 của Lưu Thị Ngọc H và tài khoản số 19023690563022 của Nguyễn Thu H1 tại T6. Từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2020, qua 04 đợt chi trả thưởng của Công ty V1, Ngọc H và Thu H1 đã lập khống danh

sách chi thưởng đối với 22 người không thuộc diện được chi trả thưởng theo quy định của Công ty V1 để chiếm đoạt tổng số tiền 770.165.579 đồng, cụ thể:

** 09 người do Ngọc H đưa vào danh sách chi thưởng khống gồm*:

1. Trần Thị Thúy L2, sinh năm 1970; Trú tại: Số I ngách D phường Đ, quận L, TP Hà Nội;

2. Vũ Thị Ngọc H4, sinh năm 1978; Trú tại: P1108 A- D2 Khu đô thị Đ, huyện G, TP Hà Nội;

3. Nguyễn Duy L3, sinh năm 1990; Trú tại: P, khu đô thị V, phường G, quận L, TP Hà Nội;

4. Trần Thanh T2, sinh năm 1991; Trú tại: Số nhà C G, phường G, quận L, TP Hà Nội;

5. Nguyễn Thị Thanh H5, sinh năm: 1987; Trú tại: Tổ B phường N, quận L, TP Hà Nội;

6. Đặng Tuấn A1, sinh năm 1995; Trú tại: 2 ngõ Q, phường Q, quận H, TP Hà Nội;

7. Trần Thị Hồng H6, sinh năm: 1983; Trú tại: Số B, ngõ F V, phường L, quận B, TP Hà Nội;

8. Lê Minh T3, sinh năm 1991; Trú tại: Số B ngách A phường V, quận H, TP Hà Nội;

9. Tạ Thu T4, sinh năm 1989; Trú tại: Căn hộ B, CC A, ngõ H, Hoàng Đạo T5, K, T, TP Hà Nội;

Tổng số tiền 09 người này chuyển lại cho Ngọc H là 176.125.579 đồng.

** 13 người do Thu H1 cung cấp thông tin cho Ngọc H để lập danh sách chi thưởng khống gồm*:

1. Trần Đức M, sinh năm 1992; Trú tại: số D ngõ H, T, phường V, quận Đ, TP Hà Nội (chồng của Thu H1);

2. Trần Đức A2, sinh năm 1997; Trú tại: số D ngõ H, T, phường V, quận Đ, TP Hà Nội (em chồng của Thu H1);

3. Diệp Hằng N, sinh năm 1990; Trú tại: Số F phố Đ, phường K, quận Đ, TP Hà Nội;

4. Nguyễn Thế M1, inh năm 1991; Trú tại: Số B, ngách D ngõ D phố T, phường L, quận L, TP Hà Nội;

5. Đỗ Thu H7, sinh năm 1995; Trú tại: Số B ngõ B phố P, phường C, quận Đ, TP Hà Nội;

6. Nguyễn Kim A3; sinh năm 1997; HKTT: Số E tổ A, phường L, quận H, TP Hà Nội;

7. Lê Mạnh H8, sinh năm 1992; Trú tại: Số A, ngõ A H, phường Ô, quận Đ, TP Hà Nội;

8. Chu Thanh L4, sinh năm 1987; Trú tại: Đ, thôn T, xã V, huyện V, tỉnh

Hưng Yên;

9. Phạm Anh V, sinh năm 1990; Trú tại: Số B, 27 ngõ D Chùa B, phường Q, quận Đ, TP Hà Nội;

10. Hà Tiến H9, sinh năm 1986; Trú tại: Số A ngách D ngõ A T, phường M, quận H, TP Hà Nội;

11. Vũ Đức A4, sinh năm 1994; Trú tại: P tập thể Thảm M, ngõ A Đ, phường T, quận Đ, TP Hà Nội;

12. Vũ Thành C, sinh năm 1998; Trú tại: Thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên;

13. Ngô Thị Lan H10, sinh năm 1990; Trú tại: Phố N, TP Y, tỉnh Yên Bái.

Tổng số tiền 13 người này chuyển cho Thu H1 là 594.040.000 đồng, ngay sau đó Thu H1 đã chuyển khoản lại toàn bộ cho Ngọc H.

Xác minh tài khoản số 19033452255010 của Ngọc H và tài khoản số 19023690563022 của Thu H1 mở tại T6 cùng tài khoản của những người trong danh sách chi thưởng khống xác định được những người này sau khi nhận tiền từ Công ty V1 theo danh sách chi thưởng khống mà Ngọc H và Thu H1 lập đã chuyển khoản lại theo yêu cầu của Ngọc H và Thu H1.

Xác minh tại Công ty V1 thể hiện: 22 trường hợp được nhận tiền trả thừa ngoài lương không phải là những người thuộc diện chi thưởng theo chính sách chi thưởng của Công ty V1, Công ty V1 không làm nhầm lương đối với 22 trường hợp này; Ngọc H và Thu H1 không có nhiệm vụ thông báo việc làm nhầm lương hay nhận lại tiền thừa do việc làm nhầm lương vào tài khoản cá nhân của Ngọc H và Thu H1.

Tại cơ quan điều tra, Ngọc H và Thu H1 khai nhận nội dung như trên. Ngoài ra, liên quan đến việc sử dụng số tiền chiếm đoạt của Công ty V1 kể trên, Ngọc H khai có đưa lại cho Thu H1 một số tiền mặt nhưng không xác định được là bao nhiêu và không có tài liệu chứng minh; Thu H1 không thừa nhận đã bàn bạc với Ngọc H về việc nhận tiền trả thưởng của Công ty V1, không được ăn chia hay hưởng lợi gì từ số tiền chiếm đoạt và không biết Ngọc H sử dụng số tiền này như thế nào.

Đối với 22 cá nhân theo danh sách chi thưởng khống mà Ngọc H và Thu H1 lập kể trên, khi được Ngọc H và Thu H1 thông báo việc số tiền thừa ngoài lương và yêu cầu chuyển lại vào tài khoản cá nhân của Ngọc H và Thu H1 họ đều chuyển trả lại và không biết việc Ngọc H, Thu H1 chiếm đoạt tiền của Công ty V1.

Đại diện gia đình Ngọc H đã khắc phục trả lại Công ty V1 số tiền 100.000.000 đồng. Thu H1 đã nộp số tiền 300.000.000 đồng để khắc phục, trả lại cho Công ty V1.

Tại Cáo trạng số 51/CT-VKS-P3 ngày 13/2/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố Lưu Thị Ngọc Hằng và Nguyễn Thu Hằng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2023/HS-ST ngày 26/06/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Lưu Thị Ngọc H, Nguyễn Thu H1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Thị Ngọc H 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam 01/7/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, n, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, khoản 2 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H1 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3. Buộc bị cáo Lưu Thị Ngọc H phải tiếp tục bồi thường cho Công ty cổ phần V1 số tiền 373.145.579 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý tang vật, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/7/2023, bị cáo Lưu Thị Thu H11 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/7/2023, bị cáo Nguyễn Thu H1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lưu Thị Ngọc H, Nguyễn Thu H1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã mô tả, đồng thời xác định việc bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Bị cáo Lưu Thị Ngọc H xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Bị cáo Nguyễn Thu H1 xuất trình tài liệu mới thể hiện ông nội bị cáo là Liệt sỹ; xác nhận của Công ty V1 về việc sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả thêm được số tiền 200.000.000 đồng; xác nhận về việc bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định, là lao động chính trong gia đình, chồng bị cáo hiện không có việc làm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo.

Đại diện Công ty cổ phần V1 xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo chiếm đoạt tổng số tiền 770.165.579 đồng của Công ty là đúng và Công ty không yêu cầu buộc các bị cáo bồi thường khoản nào khác. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm gia đình bị cáo Ngọc H bồi thường cho Công ty 100.000.000 đồng, bị cáo Thu H1 bồi thường cho Công ty 300.000.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Thu H1 bồi thường tiếp cho Công ty số tiền 200.000.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả là 600.000.000 đồng. Trên cơ sở nguyên tắc khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, Công ty đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thu H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh

giá về nội dung vụ án, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng và nội dung kháng cáo của bị cáo, đã nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Lưu Thị Ngọc H, Nguyễn Thu H1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Ngọc H, mức hình phạt 07 năm tù được áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Thu H1, xét thấy bị cáo tham gia đồng phạm với vai trò giúp sức, không được hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt và được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm tài liệu mới thể hiện ông nội bị cáo là Liệt sỹ, tài liệu thể hiện về điều kiện, hoàn cảnh gia đình và việc bị cáo đã khắc phục hậu quả thêm được số tiền 200.000.000 đồng, đồng thời bị hại cũng có đề nghị xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo theo hướng giữ nguyên mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo và áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo; ghi nhận số tiền các bị cáo đã bồi thường cho bị hại.

Luật sư Nguyễn Hoàng H3 trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thu H1: Không có ý kiến tranh tụng về tội danh, điều luật áp dụng. Về hình phạt, Luật sư hoàn toàn đồng ý với quan điểm, lập luận của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử trên cơ sở nguyên tắc khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo Lưu Thị Ngọc H, Nguyễn Thu H1 trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lưu Thị Ngọc H tự nguyện xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Ngọc H theo quy định tại Điều 342, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo Lưu Thị Ngọc H, Nguyễn Thu H1 tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Ngọc H và Thu H1 là nhân viên nhân sự của Công ty V1, trong đó Thu H1 là chuyên viên tuyển dụng nhân sự người nước ngoài; Ngọc H là chuyên viên tuyển dụng nhân sự người Việt Nam được giao nhiệm vụ lập danh sách đề nghị chi thưởng theo chính sách chi thưởng cho nhân viên Công ty V1 đã giới thiệu được nhân sự vào làm việc tại Công ty với số tiền thưởng từ 3.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng tùy vào từng vị trí ứng viên trúng

tuyển nhưng không có chức năng, nhiệm vụ thông báo hay nhận tiền liên quan đến việc trả lương, thưởng. Lợi dụng sơ hở trong quá trình duyệt danh sách chi thưởng, Ngọc H đã bàn bạc với Thu H1 đưa thông tin những người thân, quen của mình để lập khống danh sách 22 người không thuộc diện được chi thưởng, sau đó đưa ra thông tin gian dối đối với những người này về số tiền nhận thừa so với lương là do Công ty trả nhầm lương, yêu cầu họ chuyển khoản lại vào tài khoản cá nhân của Ngọc H và Thu H1 rồi chiếm đoạt tiền của Công ty V1. Từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2020, Ngọc H và Thu H1 đã chiếm đoạt của Công ty V1 tổng số tiền 770.165.579 đồng, trong đó Ngọc H tự lập danh sách chi thưởng cho 09 cá nhân và liên hệ để nhận lại tiền từ 09 người này với tổng số tiền là 176.125.579 đồng; Thu H1 đã cung cấp danh sách 13 cá nhân để Ngọc H lập danh sách chi thưởng và liên hệ để nhận lại tiền từ 13 người này với tổng số tiền là 594.040.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Thu H1 đã chuyển khoản lại toàn bộ cho Ngọc H.

Với hành vi nêu trên, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Thu H1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội mà còn gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi hình sự, có trình độ học vấn, hiểu biết pháp luật, vì vậy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và đảm bảo tính hiệu quả, tích cực trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, khi xem xét, áp dụng mức hình phạt cụ thể đối với bị cáo Nguyễn Thu H1, Hội đồng xét xử xét thấy: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Lưu Thị Ngọc H là người chủ mưu, có vai trò chính và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số tiền 770.165.579 đồng đã chiếm đoạt của Công ty V1. Còn đối với vai trò của bị cáo Nguyễn Thu H1 thì bản thân bị cáo không được Công ty V1 giao nhiệm vụ lập danh sách đề nghị chi thưởng nhưng sau khi được Ngọc H trao đổi, bàn bạc đã cung cấp danh sách 13 người thân, quen đang làm việc tại Công ty cho Ngọc H để Ngọc H đưa vào danh sách chi thưởng. Sau khi những người này nhận được tiền thưởng thì bị cáo đã liên hệ với họ để họ chuyển lại số tiền này vào tài khoản của bị cáo, rồi ngay sau đó bị cáo đã chuyển khoản lại toàn bộ cho Ngọc H (tổng số tiền Thu H1 thu được và đã chuyển lại cho Ngọc H là 594.000.000 đồng). Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ không thể hiện giữa Ngọc H và Thu H1 đã có sự bàn bạc, thỏa thuận với nhau về việc ăn chia, hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt được của bị hại. Theo Ngọc H khai thì bị cáo có đưa lại cho bị cáo Thu H1 một số tiền nhưng không rõ là bao nhiêu và không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh, trong khi đó bị cáo Thu H1 luôn khẳng định không được ăn chia, hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định bị cáo Thu H1 tham gia đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo Ngọc H thực hiện hành vi gian dối, chiếm đoạt số tiền 594.000.000 đồng trong tổng số tiền 770.165.579 đồng của bị hại và bị cáo Thu H1 không được

hưởng lợi từ số tiền này.

Bị cáo Thu H1 không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền lớn (300.000.000 đồng) và bị cáo phạm tội trong thời gian mang thai nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Thu H1 tiếp tục tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả thêm cho Công ty V1 số tiền 200.000.000 đồng, như vậy tổng số tiền tính đến thời điểm hiện tại bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại là 500.000.000 đồng, trong khi bản thân bị cáo không được hưởng lợi từ số tiền bị hại bị chiếm đoạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty V1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đồng thời bị cáo còn xuất trình được tài liệu, chứng cứ thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng, cụ thể ông nội bị cáo là Liệt sỹ (Liệt sỹ Nguyễn Văn D1 hy sinh năm 1967) nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đây là các tình tiết mới đáng kể để xem xét kháng cáo của bị cáo.

Về nhân thân, bị cáo Thu H1 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông nội bị cáo là Liệt sỹ Nguyễn Văn D1 hy sinh năm 1967; cha bị cáo là ông Nguyễn Văn T đã chết tháng 8/1991 khi bị cáo còn nhỏ, gia đình chỉ còn mẹ già và bị cáo lại là con duy nhất trong gia đình. Hiện tại bị cáo sống cùng cha mẹ chồng đã về hưu; bị cáo đang nuôi con nhỏ (sinh ngày 30/7/2020), chồng bị cáo (anh Trần Đức M) hiện không có việc làm, còn bị cáo đang có việc làm ổn định tại Công ty cổ phần G – Chi nhánh H12 và là lao động chính trong gia đình.

Đánh giá khách quan, toàn diện các yếu tố về tính chất, vai trò trong đồng phạm, về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng, về hoàn cảnh gia đình, thái độ ăn năn, hối cải và ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo, có cơ sở xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo Thu H1 mức hình phạt 03 năm tù là phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, tuy nhiên bị cáo Thu H1 có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo được hưởng án treo trong trường hợp này không gây ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Với chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, đồng thời để tạo điều kiện, cơ hội cho bị cáo trở thành công dân tốt, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thu H1 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

[5.1] Như phần trên đã phân tích thì giữa Ngọc H và Thu H1 không có sự bàn bạc, thỏa thuận với nhau về việc ăn chia, hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt; toàn bộ số tiền 594.000.000 đồng thu được, Thu H1 đã chuyển khoản lại cho Ngọc H; Ngọc H khai sau đó có đưa lại cho Thu H1 một số tiền nhưng không rõ là bao

nhiêu và không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, trong khi Thu H1 không thừa nhận. Như vậy phải xác định tổng số tiền 770.165.579 đồng Công ty V1 bị chiếm đoạt đều do bị cáo Ngọc H chiếm hưởng nên bị cáo Ngọc H phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền này cho Công ty V1. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ngọc H và Thu H1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty V1 số tiền 594.000.000 đồng (phần của Thu H1 phải bồi thường là 297.020.000 đồng) trong trường hợp này là không đúng.

[5.2] Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Công ty V1 tổng số tiền 600.000.000 đồng và đã được đại diện Công ty V1 xác nhận, cụ thể: Bị cáo Ngọc H bồi thường được 100.000.000 đồng; Bị cáo Thu H1 bồi thường 03 lần, tổng cộng 500.000.000 đồng (bồi thường 300.000.000 đồng đã được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận và bồi thường 200.000.000 đồng tại cấp phúc thẩm). Xét việc các bị cáo bồi thường cho Công ty V1 số tiền nêu trên là trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Bị cáo Ngọc H có trách nhiệm bồi thường tiếp cho Công ty V1 số tiền 170.165.579 đồng.

[5.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, giữa bị cáo Ngọc H và bị cáo Thu H1 không thống nhất được với nhau về việc chịu trách nhiệm đối với số tiền 500.000.000 đồng mà Thu H1 đã bồi thường Công ty V1. Do đó để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo Thu H1, Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện cho bị cáo Thu H1 về việc yêu cầu bị cáo Ngọc H có trách nhiệm hoàn trả lại cho bị cáo số tiền 500.000.000 đồng đã bồi thường cho Công ty V1 bằng vụ kiện dân sự khác.

[6] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thu H1 được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 342, Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Ngọc H. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2023/HS-ST ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với bị cáo Lưu Thị Ngọc H có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

2. Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thu H1.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2023/HS-ST ngày 26/06/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thu H1 và phần trách nhiệm dân sự, cụ thể như sau:

2.1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thu H1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H1 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thu H1 cho Ủy ban nhân dân phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo Nguyễn Thu H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận bị cáo Lưu Thị Ngọc H đã tự nguyện bồi thường cho Công ty cổ phần V1 số tiền 100.000.000 đồng.

- Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thu H1 đã tự nguyện bồi thường cho Công ty cổ phần V1 tổng số tiền 500.000.000 đồng, bao gồm 100.000.000 đồng đã chuyển khoản vào tài khoản của Công ty cổ phần V1 trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm; 200.000.000 đồng đã chuyển khoản vào tài khoản của Công ty cổ phần V1 trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm (theo Biên bản xác nhận số 068/2023 ngày 10/11/2023 của Công ty cổ phần V1) và 200.000.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai thu số 0002094 ngày 19/4/2023. Công ty cổ phần V1 được quyền đến Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để nhận lại số tiền 200.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Lưu Thị Ngọc H có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho Công ty cổ phần V1 số tiền 170.165.579 đồng.

- Giành quyền khởi kiện cho bị cáo Nguyễn Thu H1 về việc yêu cầu bị cáo Lưu Thị Ngọc H có trách nhiệm hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Thu H1 số tiền 500.000.000 đồng đã bồi thường cho Công ty cổ phần V1 bằng vụ kiện dân sự khác.

2.3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi suất phát sinh trên số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo Lưu Thị Ngọc H và bị cáo Nguyễn Thu H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT - CA tp Hà Nội;
- UBND phường Văn Chương, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam – CA tp Hà Nội;
- Bị cáo Lưu Thị Ngọc Hằng (qua Trại tam giam);
- Bị cáo Nguyễn Thu Hằng (theo địa chỉ);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; P. HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phùng Hải Hiệp